

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **140** /2017/HNGĐ-ST

Ngày: 08/11/2017

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Vân Hương**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Vạn**
2. Ông **Huỳnh Minh Chánh**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà **Phan Mỹ Dung**- Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 11 năm 2017, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 976/2017/TLST-HNGĐ ngày 24/8/2017 về việc “Tranh chấp về ly hôn ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 388/2017/QĐST-HNGĐ ngày 08/10/2017 giữa:

Nguyên đơn: Ông **Võ Văn D**, sinh năm:1959

Địa chỉ: D5/46 ấp 4, xã LMX, huyện BC , Tp. Hồ Chí Minh

Bị đơn: Bà **Phạm Tuyết M**, sinh năm: 1969

Địa chỉ: D5/46 ấp 4, xã LMX, huyện BC , Tp. Hồ Chí Minh

(Ông D và bà M có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 09/8/2017 ông **Võ Văn D** trình bày: Ông D và bà **Phạm Tuyết M** và chung sống với nhau từ năm từ năm 1989, có tự tìm hiểu, không có tổ chức đám cưới và không có đăng ký kết hôn.Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có gì xảy ra. Tuy nhiên từ năm 2000 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2000 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, ông D yêu cầu được ly hôn với bà **Phạm Tuyết M**.

Về con chung: Ông D và bà M có 03 con chung tên Võ Minh L, sinh năm: 1989; Võ Thị Thúy V, sinh năm: 1993 và Võ Văn V, sinh năm: 1994 các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông D xác nhận không có.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 18/10/2017 bị đơn bà Phạm Tuyết M trình bày: Bà M và ông Võ Văn D chung sống với nhau từ năm 1989. Do tự tìm hiểu, không có tổ chức đám cưới và không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên vào năm 2000 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Bà M đã cố gắng bỏ quan để hàn gắn tình cảm gia đình nhưng vẫn không thay đổi. Bà M và ông D đã sống ly thân từ năm 2000 cho đến nay. Nay bà M đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông Võ Văn D.

Về con chung: Ông D và bà M có 03 con chung tên Võ Minh L, sinh năm: 1989; Võ Thị Thúy V, sinh năm: 1993 và Võ Văn V, sinh năm: 1994, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà M xác nhận không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không công nhận ông Võ Văn D và bà Phạm Tuyết M là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Võ Văn D nộp đơn xin ly hôn đối với bà Phạm Tuyết M. Bà Phạm Tuyết M có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ông Võ Văn D và bà Phạm Tuyết M có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Võ Văn D và bà Phạm Tuyết M qui định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Ông Võ Văn D nộp đơn xin ly hôn với bà Phạm Tuyết M vì cho rằng giữa ông và bà M phát sinh mâu thuẫn từ năm 2000 cho đến nay, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, hôn nhân vợ chồng không hạnh phúc. Ông D và bà M đã sống ly thân từ lâu. Ông Võ Văn D và bà Phạm

Tuyết M tự nguyện sống chung với nhau vào năm 1989, không tổ chức đám cưới và không có đăng ký kết hôn. Theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý” .

[4] Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.

[5] Tại khoản 4 điều 3 của thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 về hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có quy định: “Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình”.

Từ những quy định trên, việc ông Võ Văn D yêu cầu xin ly hôn với bà Phạm Tuyết M là không có sở để Hội đồng xét xử chấp nhận, cần tuyên bố ông Võ Văn D và bà Phạm Tuyết M không phải là vợ chồng.

[6] Trong thời gian chung sống, ông Võ Văn D và bà Phạm Tuyết M có 03 con chung tên Võ Minh L, sinh năm: 1989; Võ Thị Thúy V, sinh năm: 1993 và Võ Văn V, sinh năm: 1994 các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Ông D và bà M xác nhận không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Ông Võ Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 203, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 về việc hướng dẫn thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận ông Võ Văn D và bà Phạm Tuyết M là vợ chồng.

2/ Về con chung: Có 03 con chung tên 03 con chung tên Võ Minh L, sinh năm: 1989; Võ Thị Thúy V, sinh năm: 1993 và Võ Văn V, sinh năm: 1994 các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Ông D và bà M xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4/Về án phí: Ông Võ Văn D chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông D đã nộp theo biên lai thu số 0030179 ngày 18/8/2017 của Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Ông D đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5/Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện BC;
- THADS huyện BC;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Thị Vân Hương

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút ngày 08/11/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình chánh, Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Vân Hương**

Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Nguyễn Thị Nguyên**

2/ Ông **Huỳnh Minh Chánh**

Đã nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 976/2017/TLST-HNGĐ ngày 24/8/2017 giữa:

Nguyên đơn: Ông **Võ Văn D**, sinh năm: 1959

Địa chỉ: D5/46 ấp 4, xã LMX, huyện BC, Tp. Hồ Chí Minh

Bị đơn: Bà **Phạm Tuyết M**, sinh năm: 1969

Địa chỉ: D5/46 ấp 4, xã LMX, huyện BC, Tp. Hồ Chí Minh

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 203, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 về việc hướng dẫn thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng nghị quyết số 326/2016 /UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận ông **Võ Văn D** và bà **Phạm Tuyết M** là vợ chồng.

2/ Về con chung: Có 03 con chung tên 03 con chung tên **Võ Minh L**, sinh năm: 1989; **Võ Thị Thúy V**, sinh năm: 1993 và **Võ Văn V**, sinh năm: 1994 các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Ông D và bà M xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4/Về án phí: Ông Võ Văn D chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông D đã nộp theo biên lai thu số 0030179 ngày 18/8/2017 của Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Ông D đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5/. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 08 tháng 11 năm 2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Vân Hương

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện BC;
- THADS huyện BC;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Thị Vân Hương